

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HS-ST
Ngày 05- 02- 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

-Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Giang; bà Bùi Thị Thêm.

-Thư ký phiên tòa: ông Vũ Văn Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2018, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Trần Đình H1 (H1g) sinh năm 1989 tại: thôn 3, xã E, huyện M, tỉnh Đ; Nơi tạm trú: 13/23 khu phố Đ1, phường D, thị xã D, tỉnh B; Nghề nghiệp: nguyên làm nghề buôn bán phế liệu; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Dân tộc: kinh. Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Con ông Trần Đình L sinh năm 1960 và bà Vũ Thị H6 sinh năm 1961, cùng trú tại: thôn 03, xã E, huyện M, tỉnh Đ; Có vợ: Vũ Thị H7 sinh năm 1990 và có 02 con (con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2016), nơi cư trú thôn N, xã T, huyện S, tỉnh B; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07 tháng 12 năm 2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện M'Đrắk. Bị cáo được trích xuất đến phiên tòa.

2. Nguyễn Duy H2 sinh ngày 06/4/1991 tại: xóm 9, xã L, huyện Y, tỉnh N; Chỗ ở: thị xã D, tỉnh B; Nghề nghiệp: nguyên là lao động tự do. Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12. Dân tộc: kinh. Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Duy C sinh năm 1956 và bà Trần Thị Th sinh năm 1954 cùng nơi cư trú: xóm 9, xã L, huyện Y, tỉnh N; Tiền án, tiền sự: ngày 16/9/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương phạt 03 năm tù về tội “ Trộm cắp tài sản”, ngày 10/10/2015 chấp hành xong hình phạt. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22 tháng 9 năm 2017, bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện

M'Đrăk, bị cáo được trích xuất đến phiên tòa.

*Những người tham gia tố tụng khác:

- Những người bị hại:

+ Ông Y K Niê sinh năm 1988. Nơi cư trú: buôn T, xã K, huyện R, tỉnh Đ. Ông Y K có mặt tại phiên tòa.

+ Ông Nguyễn Văn M sinh năm 1991. Nơi đăng ký HKTT: thôn 6, xã H, huyện K, tỉnh Đ. Ông M vắng mặt tại phiên tòa (ông M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

+ Ông Y N Niê sinh năm 1988. Nơi cư trú: buôn B xã K, huyện M, tỉnh Đ. Ông Y N vắng mặt tại phiên tòa (ông Y N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

+ Ông Y T Niê sinh năm 1995. Nơi cư trú: buôn B, xã K, huyện M, tỉnh Đ. Ông Y T có mặt tại phiên tòa

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan:

+ Ông Trần Đình L sinh năm 1960. Nơi cư trú: thôn 3, xã E, huyện M, tỉnh Đ. Ông L có mặt tại phiên tòa.

+ Bà Đặng Thị Tr sinh năm 1995. Nơi cư trú: xóm 5, xã N, huyện N, tỉnh N. Bà Tr có mặt tại phiên tòa.

- Những người làm chứng:

+ Ông Trần Ngọc Đ sinh năm 1970. Nơi cư trú: tổ dân phố số 2, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đ. Ông Đ vắng mặt tại phiên tòa.

+ Ông Hoàng Viêt H3 sinh năm 1976. Nơi cư trú: thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đ. Ông H vắng mặt tại phiên tòa.

+ Ông Trần Văn C sinh năm 1986. Nơi cư trú: tổ dân phố số 12, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đ. Ông C vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30' ngày 18/9/2017, Nguyễn Duy H2 gặp Trần Đình H1 tại quán giải khát ở thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, trong lúc nói chuyện H1 rủ H2 lên tỉnh Đắk Lắk trộm cắp xe mô tô mang về tỉnh Bình Dương bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 20 phút sau, có T (chưa rõ nhân thân lai lịch) là bạn của H2 tới ngồi cùng, T xin H2 đi trộm cùng, H2 đồng ý.

Khoảng 19 giờ 30' phút ngày 20/9/2017, H2 và H1 đón xe ô tô khách lên Đắk Lắk. Sau khi lên xe ô tô, đi được khoảng 15 phút, H2 gọi điện thoại cho T ra đón xe đi cùng. Khoảng 08 giờ ngày 21/9/2017 về đến địa phận xã Ea Riêng, huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk. H1 thấy H4 (chưa rõ nhân thân lai lịch) điều khiển xe mô tô, H1 mượn xe của H4, H1 chở T và H2 đến cổng Bệnh viện đa khoa huyện M'Đrăk

(thị trấn M'Đrăk), thấy xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 47G1-169.62, nhãn hiệu Yamaha Sirius của anh Y K Niê, H2 và H1 đứng cạnh giới còn T dùng vạm phá ổ khóa điện. T điều khiển xe của anh Y K theo sau xe H1 điều khiển. Được H1 hướng dẫn đường, T điều khiển xe đến rẫy cà phê của gia đình anh Lê Văn H5 ở thôn 01, xã Ea Riêng, huyện M'Đrăk cất giấu.

Khoảng 10 giờ cùng ngày, H1 chở H2 đi ngang qua Trung tâm dạy nghề huyện M'Đrăk (thôn Tân Lập, xã Cư Mta, huyện M'Đrăk), H1 dùng xe đứng ngoài đường cạnh giới, H2 đi vào sân của Trung tâm dạy nghề dùng vạm phá ổ khóa điện xe mô tô hiệu Yamaha Exciter 135 BKS 47K1-071.76 của anh Nguyễn Văn M điều khiển chạy về nơi T đang trông coi chiếc xe trộm cắp được .

Khoảng 12 giờ cùng ngày, cả ba đi đến buôn G'lăn, xã Krông Jing, huyện M'Đrăk thấy đám cưới. H1 đứng ngoài cạnh giới, T dùng vạm phá ổ khóa điện xe mô tô BKS 47G1-173.86 để H2 khởi động xe và chạy về nơi cất giấu. T tiếp tục dùng vạm phá ổ khóa điện xe mô tô BKS 47G1- 155.94 điều khiển xe cùng với H1 chạy về nơi cất giấu các xe mô tô đã trộm cắp trước đó.

Khoảng 16 giờ cùng ngày, H1 trả xe cho H3. H2, H1 và T điều khiển 03 xe mô tô đã trộm cắp ra đường quốc lộ 19C, khoảng 17 giờ xe ô tô khách của nhà xe Nam Hoa BKS 51B-166.81 đón H2, T cùng xe 02 mô tô (BKS 47G1-173.86 và BKS47G1-169.62) đi trước. H1 đem theo xe mô tô BKS 47G1-155.94 đón xe ô tô khách Quyết Thắng (chưa xác định được biển số xe) đi sau.

Khoảng 23 giờ cùng ngày, Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk kiểm tra xe khách Nam Hoa. H2 và T xuống xe bỏ chạy, H2 bị lực lượng Cảnh sát giao thông bắt giữ cùng 02 xe mô tô nêu trên, còn T trốn thoát. Khoảng 03 giờ ngày 22/9/2017, xe khách chở H1 đến cầu “Ông Bô”, H1 xuống xe cùng xe mô tô BKS 47G1- 155.94. Khoảng 30 phút sau, T đến và thông báo với H1 là H2 đã bị Công an bắt, T lấy chiếc xe mô tô từ H1 đem đi tiêu thụ. Ngày 07/12/2017 H1 đến Công an huyện M'Đrăk đầu thú.

Theo bản Kết luận định giá tài sản số 29/KL-HĐĐG ngày 29/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện M'Đrăk thì: Xe mô tô BKS 47G1-169.62 của anh Y K Niê trị giá 22.800.000đồng; Xe mô tô BKS 47K1-071.76 của anh Nguyễn Văn M trị giá 25.800.000đồng; Xe mô tô BKS 47G1-173.86 của anh YN Niê trị giá 45.590.000đồng; Xe mô tô BKS 47G1-155.94 của anh Y T Niê trị giá: 43.200.000đồng. Tổng giá trị 04 xe mô tô bị trộm cắp là 137.390.000đồng.

* Vật chứng tạm giữ: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 47G1-169.62; Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter 135, BKS 47K1-071.76; Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter 150, BKS 47G1-173.86; 01điện thoại di động Nokia màu đen số Code 059R488, IMEI 354272/06/038710/4 của Nguyễn Duy H2.

*Tại bản cáo trạng số 03/KSĐT-HS ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M’Đrăk truy tố các bị cáo Trần Đình H1, Nguyễn Duy H2 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự (BLHS) năm 2015.

* Kết quả xét hỏi tại phiên tòa:

- Các bị cáo khai: ngày 18/9/2017, trong lúc uống cà phê tại quán, bị cáo H1 thấy khách vào quán uống cà phê khóa xe rất cẩn thận, bị cáo H1 nói trên Đăk Lăk xe cộ dễ thỏa mái, không kỹ như ở đây. Bị cáo H2 nói, nếu trên Đăk Lăk dễ dàng như vậy, thì chúng ta lên Đăk Lăk trộm vài xe mô tô đưa xuống Bình Dương bán. Các bị cáo thống nhất lên quê của bị cáo H1 ở huyện M’Đrăk, tỉnh Đăk Lăk để trộm xe mô tô. Khoảng 15 phút sau, có T (bạn của bị cáo H2) đến, T xin bị cáo H2 đi trộm xe mô tô cùng.

Tối 20/9/2017, các bị cáo đón xe ô tô khách lên Đăk Lăk, sau đó bị cáo H2 gọi điện cho T ra và lên xe đi cùng, khoảng 8 giờ ngày 21/9/2017 đến huyện M’Đrăk. Bị cáo H1 mượn xe của H4 chở bị cáo H2 và T đến cổng Bệnh viện đa khoa huyện M’Đrăk. Bị cáo H2 vào Bệnh viện đi vệ sinh, bị cáo H1 vào Bệnh viện làm thủ tục cấp thẻ bảo hiểm y tế nhưng không được. Các bị cáo đi ra thấy T đang dắt và khởi động xe mô tô BKS 47G1-169.62 của anh Y K Niê. Được bị cáo H1 hướng dẫn đường, T điều khiển xe của anh Y K đến rẫy cà phê của anh H5 ở thôn 01, xã Ea Riêng, huyện M’Đrăk cất giấu.

Khoảng 10 giờ cùng ngày, bị cáo H1 chở bị cáo H2 đi ngang qua Trung tâm dạy nghề huyện M’Đrăk (thôn Tân Lập, xã Cư M’ta) bị cáo H1 đứng ngoài đường cảnh giới, bị cáo H2 đi vào sân của Trung tâm dạy nghề dùng vạm phá ổ khóa điện xe mô tô hiệu Yamaha Exciter 135 BKS 47K1-071.76 của anh Nguyễn Văn M điều khiển chạy về nơi T đang trông coi chiếc xe trộm cắp được .

Khoảng 12 giờ cùng ngày, bị cáo H1 điều khiển xe mô tô chở bị cáo H2 và T đi đến buôn G’lăn, xã Krông Jing, thấy nhiều xe mô tô của khách dự đám cưới, H1 đứng ngoài cảnh giới, T dùng vạm phá ổ khóa điện xe mô tô BKS 47G1-173.86 để H2 khởi động điều khiển về nơi cất giấu. T tiếp tục dùng vạm phá ổ khóa điện xe mô tô BKS 47G1- 155.94 điều khiển xe cùng với H1 chạy về nơi cất giấu các xe mô tô đã trộm cắp trước đó.

Khoảng 17 giờ cùng ngày, sau khi bị cáo H1 trả xe cho H4. Sợ bị phát hiện, các bị cáo để lại xe mô tô BKS 47K1-071.76 của anh M. Các bị cáo và T điều khiển 03 xe mô tô trộm cắp được ra đón xe ô tô khách để chở đi tỉnh Bình Dương. Bị cáo H2 và T đón xe khách Nam Hoa BKS 51B-166.81, đưa xe mô tô BKS 47G1-173.86 và xe mô tô BKS 47G1-169.62 đi trước. H1 đem theo xe mô tô BKS 47G1-155.94 đón xe ô tô khách Quyết Thắng (chưa xác định được biển số xe) đi sau.

Thấy Cảnh sát giao thông kiểm tra giấy tờ xe mô tô trên xe khách, bị cáo H2 và T xuống xe bỏ chạy, bị cáo H2 bị Công an bắt giữ cùng 02 xe mô tô. Khoảng 03 giờ ngày 22/9/2017, xe khách chở H1 đến cầu “Ông Bó” ở Bình Dương, H1 xuống xe và nhận xe mô tô. Khoảng 30 phút sau, T đến và nói với bị cáo H1 là bị cáo H2 đã bị Công an bắt, T lấy xe mô tô từ bị cáo H1 đưa đi tiêu thụ. Ngày 07/12/2017 H1 đến Công an huyện M’Đrăk đầu thú.

- Những người bị hại ông Y N, ông Nguyễn Văn M khai tại cơ quan Điều tra, ông Y K Niê khai tại phiên tòa: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện M’Đrăk đã trả lại xe mô tô mà các bị cáo chiếm đoạt của họ. Những người bị hại này, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm gì.

- Người bị hại ông Y T Niê khai: xe mô tô hiệu Yamaha loại Exciter BKS 47G1-155.94 ông Y T mua mới với giá 48.000.000đồng, đăng ký ngày 27/9/2016, xe bị các bị cáo chiếm đoạt, chưa thu hồi được. Ông Y T yêu cầu các bị cáo phải bồi thường trị giá chiếc xe theo Kết luận của Hội đồng định giá là 43.200.000đồng, trừ số tiền mà gia đình bị cáo H1 đã bồi thường 20.000.000đồng và gia đình bị cáo H2 đã bồi thường 5.500.000đồng cho ông Y T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Đình L khai: gia đình ông đã vận động H1 (con ông L) về Công an huyện M’Đrăk để đầu thú, H1 tác động gia đình bồi thường thay H1 cho ông Y T 20.000.000đồng, để H1 được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Tr (chị họ của bị cáo H2) khai: bị cáo H2 đã liên lạc, tác động gia đình bồi thường thay H2 cho ông Y T. Do gia đình khó khăn, nên bà Tr mới bồi thường cho ông Y T được 5.500.000đồng, để H2 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M’Đrăk giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố các bị cáo Trần Đình H1(H1 g), Nguyễn Duy H2 phạm tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị HĐXX:

-Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g, h khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy H2 từ 04 năm đến 04 năm 3 tháng tù.

-Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015. Xử phạt: bị cáo Trần Đình H1 từ 03 năm 3 tháng đến 03 năm 6 tháng tù.

*Áp dụng Điều 48 BLHS năm 2015; Điều 589 Bộ luật Dân sự (BLDS). Buộc bị cáo Trần Đình H1 và bị cáo Nguyễn Duy H2 phải liên đới bồi thường cho ông Y T Niê 43.200.000 đồng, được khấu trừ số tiền bị cáo H1 đã bồi thường 20.000.000đồng, bị cáo H2 đã bồi thường 5.500.000đồng. Còn lại các bị cáo phải liên đới bồi thường tiếp cho ông Y T 17.700.000đồng.

- Áp dụng Điều 47 BLHS năm 2015; khoản 1, điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS):

+ Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M’Đrăk trả lại xe mô tô BKS 47G1-169.62, mô tô BKS 47K1-071.76, mô tô BKS47G1-173.86 cho các chủ sở hữu hợp pháp.

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Nokia màu đen, số Code: 059R488, IMEI: 354272/06/038710/4 của bị cáo Nguyễn Duy H2.

* Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi liên quan có mặt tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận. Các bị cáo mong HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M’Đrăk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M’Đrăk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Các bị cáo và những người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Ngày 21/9/2017 tại các địa bàn thị trấn M’Đrăk, xã CuM’Ta và xã Krông Jing, huyện M’Đrăk, tỉnh Đắk Lắk. Vì mục đích tư lợi, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản, các bị cáo cùng với đồng phạm T (chưa xác định được lai lịch) đã lén lút chiếm đoạt liên tiếp 4 xe mô tô của 4 chủ sở hữu ông YK Niê, ông Nguyễn Văn M, ông YN Niê và ông Y T Niê. Theo Kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình thì xe mô tô BKS 47G1-169.62 của ông YK Niê trị giá 22.800.000đồng, xe mô tô BKS 47K1-071.76 của ông Nguyễn Văn M trị giá 25.800.000đồng, xe mô tô BKS 47G1-173.86 của ông YN Niê trị giá 45.590.000đồng và xe mô tô BKS 47G1-155.94 của ông Y T Niê trị giá 43.200.000đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tổng trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 137.390.000đồng, nên tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999. Tại thời điểm các bị cáo phạm tội, BLHS năm 1999 đang có hiệu lực pháp luật, nhưng đến ngày 01/01/2018 hết hiệu lực pháp luật. BLHS năm 2015, được sửa đổi năm 2017 (BLHS năm 2015) có hiệu lực từ ngày 01/01/2018. Do các yếu tố cấu thành tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999 tương ứng với điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015. Do vậy, HĐXX áp dụng tội danh và hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015 đối với các bị cáo.

Tại khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;”

Xét tính chất, mức độ cũng như hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của các bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, thể hiện sự coi thường pháp luật, gây mất trật tự trị an. Trong vụ án, các bị cáo cùng thực hiện hành vi trộm cắp nhưng mang tính đồng phạm giản đơn. HĐXX cần xem xét tính chất, mức độ cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của mỗi bị cáo để lượng hình cho tương xứng với hành vi và hậu quả của từng bị cáo đã gây ra.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo liên tiếp thực hiện 4 lần phạm tội, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g (phạm tội 02 lần trở lên) khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015; riêng bị cáo H2 phạm tội trong thời gian chưa được xóa án tích đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h (tái phạm) khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tự nguyện bồi thường khắc phục một phần hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra (bị cáo H1 bồi thường 20.000.000đồng; bị cáo H2 bồi thường 5.500.000đồng). Bị cáo H1 tự nguyện đến Công an huyện M’Đrăk để đầu thú, bị cáo H2 có ông nội được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì, có mẹ là người tham gia dân công hỏa tuyến, tham gia kháng chiến chống Mỹ. Tại phiên tòa người bị hại ông Y T yêu cầu HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo H2 là người khởi xướng và gọi điện thoại cho đối tượng T cùng tham gia hành vi phạm tội. Bị cáo H2 có nhân thân xấu, có thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (tái phạm) so với bị cáo H1; Bị cáo H1 là người dẫn đường cho bị cáo H2 và đối tượng T lên Đăk phạm tội, nhưng không trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo tác động gia đình bồi thường nhiều hơn bị cáo H2. Nên cần áp dụng hình phạt đối với bị cáo H2 nghiêm khắc hơn bị cáo H1 là phù hợp. HĐXX xét thấy, phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian là cần thiết, mới có tác dụng cải tạo các bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Xe mô tô BKS 47G1- 155.94 các bị cáo và đối tượng T chiếm đoạt của ông Y T Niê, chưa thu hồi được. Hiện nay Cơ quan Điều tra chưa xác định được lai lịch đối tượng T, để đảm bảo quyền lợi cho người bị hại, buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường trị giá chiếc xe mô tô cho ông Y T. Áp dụng Điều 48 BLHS năm 2015 và các Điều 587, Điều 589 BLDS, buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho ông Y T Niê 43.200.000 đồng. Xét về mức độ lỗi của các bị cáo gây ra thiệt hại cho ông Y T là ngang nhau, nên mỗi bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe mô tô cho ông Y T. Cụ thể, chia theo phần:

- Bị cáo Trần Đình H1 (H1g) phải bồi thường cho ông Y T Niê 21.600.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 20.000.000 đồng mà ông Trần Đình L (bố của bị cáo H1) đã bồi thường thay cho bị cáo. Bị cáo H1 (H1 g) phải bồi thường tiếp cho ông Y T Niê 1.600.000 đồng .

- Bị cáo Nguyễn Duy H2 phải bồi thường cho ông Y T Niê 21.600.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 5.500.000 đồng mà bà Đặng Thị Tr (chị họ của bị cáo H2) đã bồi thường thay cho bị cáo. Bị cáo H2 phải bồi thường tiếp cho ông Y T Niê 16.100.000 đồng.

Bị cáo H1 (H1 g), bị cáo H2 có quyền yêu cầu đối tượng T phải trả lại số tiền chênh lệch mà các bị cáo đã liên đới thường cho ông Y T Niê theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M'Đrăk đã thu giữ và trả lại cho các chủ sở hữu: ông Y K Niê xe mô tô BKS 47G1-169.62; ông Nguyễn Văn M xe mô tô BKS 47K1-071.76; ông Y N Niê xe mô tô BKS 47G1-173.86 là đúng pháp luật, nên HĐXX cần chấp nhận. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người bị hại này không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên HĐXX không xem xét.

Đối với chiếc điện thoại di động Nokia màu đen, số Code: 059R488, IMEI: 354272/06/038710/4 của bị cáo Nguyễn Duy H2. Bị cáo dùng để liên lạc cho bị cáo H1 và đối tượng T, là phương tiện phạm tội, nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[4] Đối với đối tượng T tham gia phạm tội cùng với các bị cáo, nhưng sau khi phạm tội đã bỏ trốn. Quá trình điều tra chưa xác định được lai lịch của đối tượng này. Nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M'Đrăk tách ra để tiếp tục điều tra xử lý sau.

[5] Các bị cáo bị kết án, các bị cáo phải liên đới bồi thường cho người bị hại. Do vậy, buộc các bị cáo phải chịu tiền án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Tuyên bố các bị cáo Trần Đình H1 (H1g), Nguyễn Duy H2 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g, h khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy H2 04 (Bốn) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 22/9/2017.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015. Xử phạt: bị cáo Trần Đình H1(H1g) 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 07/12/2017.

*Áp dụng Điều 48 BLHS năm 2015; Điều 587 và Điều 589 BLDS. Buộc bị cáo Trần Đình H1 (H1 g) và bị cáo Nguyễn Duy H2 phải liên đới bồi thường cho ông Y T Niê 43.200.000 đồng. Cụ thể, chia theo phần:

- Bị cáo Trần Đình H1 (H1g) phải bồi thường cho ông Y T Niê 21.600.000đồng, được khấu trừ vào số tiền 20.000.000đồng mà ông Trần Đình L (bố của bị cáo H1) đã bồi thường thay cho bị cáo. Bị cáo H1 (H1 g) phải bồi thường tiếp cho ông Y T Niê 1.600.000đồng (Một triệu sáu trăm ngàn đồng).

-Bị cáo Nguyễn Duy H2 phải bồi thường cho ông Y T Niê 21.600.000đồng, được khấu trừ vào số tiền 5.500.000đồng mà bà Đặng Thị Tr (chị họ của bị cáo H2) đã bồi thường thay cho bị cáo. Bị cáo H2 phải bồi thường tiếp cho ông Y T Niê 16.100.000đồng (Mười sáu triệu một trăm ngàn đồng).

Bị cáo H1 (H1 g), bị cáo H2 có quyền yêu cầu đối tượng T (chưa xác định được lai lịch) phải trả lại số tiền chênh lệch mà các bị cáo đã liên đới thường cho ông Y T Niê theo quy định của pháp luật.

*Áp dụng Điều 47 BLHS năm 2015; khoản 1, điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M’Đrăk đã trả lại: ông Y K Niê xe mô tô BKS 47G1-169.62; ông Nguyễn Văn M xe mô tô BKS 47K1-071.76; ông Y N Niê xe mô tô BKS47G1-173.86.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Nokia màu đen, số Code: 059R488, IMEI: 354272/06/038710/4 của bị cáo Nguyễn Duy H2. Đặc điểm, số lượng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M’Đrăk và Chi cục Thi hành án dân sự huyện M’Đrăk ngày 29 tháng 11 năm 2017.

*Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Bị cáo Nguyễn Duy H2 phải chịu 200.000đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm và 805.000đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo Trần Đình H1 (H1 g) phải chịu 200.000đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

* Báo cho các bị cáo, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án HSST trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án HSST trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư Pháp Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- Công an huyện M'Đrăk;
- T.H.A dân sự huyện M'đrăk;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- UBND xã L, xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thế Dương